

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2789/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng)

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAMME):	CỬ NHÂN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG ANH (BACHELOR OF FINANCIAL INVESTMENT)
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION):	ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE):	7340201
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (FULL - TIME)

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình Cử nhân Đầu tư tài chính bằng tiếng Anh (BFI) có mục tiêu đào tạo cử nhân đại học có phẩm chất chính trị cao, có đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng, đặc biệt là những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực đầu tư tài chính; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

Cử nhân đầu tư tài chính được trang bị kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm nhằm đáp ứng được yêu cầu về chuẩn đầu ra được quy định trong Thông tư 07/2015. Cụ thể, sau khi tốt nghiệp, sinh viên thuộc Chương trình cử nhân Đầu tư tài chính giảng dạy bằng tiếng Anh sẽ có khả năng:

- Hiểu biết các quy định của nhà nước về hệ thống tài chính và thị trường tài

chính nói chung, đặc biệt là về lĩnh vực đầu tư tài chính và các dịch vụ đầu tư tài chính;

- Hiểu rõ tính chất, điều kiện áp dụng của các công cụ tài chính và các sản phẩm tài chính;

- Nắm vững các nội dung chuyên sâu về hoạt động của các trung gian tài chính (Ngân hàng thương mại; Công ty chứng khoán; Công ty quản lý quỹ; Công ty bảo hiểm và các tổ chức tài chính trung gian khác), đặc biệt là hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan tới hoạt động quản trị vốn, quản trị đầu tư, quản trị rủi ro cũng như hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan tới hoạt động phát hành chứng khoán, đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư;

- Hiểu biết và vận dụng các kiến thức về hoạt động tài chính khu vực nhà nước, hoạt động tài chính quốc tế và hoạt động tài chính của các doanh nghiệp;

- Xây dựng và thực thi các chiến lược và kế hoạch liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, quản trị danh mục đầu tư, quản trị rủi ro, quản trị vốn, ... của các doanh nghiệp

- Nghiên cứu, phân tích, tổng hợp và đề xuất chính sách về hoạt động và sự phát triển của hệ thống tài chính và thị trường tài chính, góp phần vào sự ổn định và phát triển nền kinh tế.

- Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:

Có cơ hội nghề nghiệp trong các cơ quan, tổ chức có hoạt động tài chính từ Trung ương đến địa phương và cơ hội làm việc tại các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước. Các vị trí cụ thể bao gồm:

- Vị trí quản lý tài chính và đầu tư trong các doanh nghiệp và các tổ chức trong nước và quốc tế như vị trí quản trị tài chính, phân tích đầu tư tài chính, thẩm định tài chính, quản trị danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư tài chính, giao dịch các sản phẩm tài chính;

- Vị trí làm việc tại các tổ chức tài chính trung gian trong nước và quốc tế bao gồm các ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các định chế tài chính khác (công ty tài chính, công ty bảo hiểm, ...)

- Giảng viên, nghiên cứu viên trong các viện, trường đại học và các tư vấn viên trong các tổ chức tài chính khác.

- Trình độ ngoại ngữ và tin học:

Sinh viên tốt nghiệp có trình độ ngoại ngữ tiếng Anh IELTS 6.0 hoặc tương đương (TOEIC, TOEFL) áp dụng theo Quyết định số 2377/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 29/12/2017 về việc ban hành Quy định về miễn học, miễn thi và kiểm tra đánh giá năng lực cho sinh viên

chương trình tiên tiến, chất lượng cao và POHE, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh để làm việc có hiệu quả và tiếp tục học tập nâng cao trình độ trong bối cảnh toàn cầu hóa, bao gồm tiếng Anh trong giao tiếp và soạn thảo, dịch thuật các tài liệu chuyên ngành Đầu tư tài chính

Áp dụng theo Chuẩn đầu ra tin học trình độ Đại học ban hành kèm theo Quyết định số: 777/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 05/6/2017. Sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp chương trình Đầu tư tài chính bằng tiếng Anh đạt được một trong các chứng chỉ tin học sau đây:

- Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification)
- Chứng chỉ tin học quốc tế ICDL (phần cơ bản)
- Chứng chỉ tin học quốc tế MOS
- Chứng chỉ tin học Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản do Trường Đại học Kinh tế Quốc dân cấp

2. CHUẨN ĐẦU RA (theo Thông tư 07/2015)

2.1. Kiến thức:

Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực Đầu tư tài chính; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực Đầu tư tài chính được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực Đầu tư tài chính;

2.2. Kỹ năng:

Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của lĩnh vực Đầu tư tài chính được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực Đầu tư tài chính; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến lĩnh vực Đầu tư tài chính; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn;

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 131 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

- Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đề án tuyển sinh đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo

Thời gian đào tạo 4 năm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thời gian đào tạo 4 năm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, quy định chi tiết trong Đề cương từng học phần trong chương trình đào tạo.

7. CẤU TRÚC KIẾN THỨC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

7.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Khối lượng (Tín chỉ)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	45	
1.1. Các học phần chung	21	
1.2. Các học phần của Trường	12	
1.3. Các học phần của ngành	12	

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	86	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	36	
2.1.1. Các học phần của Trường	9	
2.1.2. Các học phần của ngành	27	
2.2. Kiến thức ngành	38	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	30	
2.2.2. Các học phần tự chọn	8	SV tự chọn
2.3. Kiến thức chuyên sâu	2	Đề án nghiên cứu chuyên sâu
2.4. Chuyên đề thực tập	10	
TỔNG SỐ	131	Không kể GDQP và AN và GDTC

7.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

TT	Tên học phần		MÃ HP/BM	SỐ TC	Học kỳ	Ngôn ngữ giảng dạy	Ghi chú
Tổng số tín chỉ				131			
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				45			
	1.1. Các học phần bắt buộc chung			21			
1	1	Triết học Mác - Lênin Philosophy of Marxism - Leninism	LLNL1105	3	1	Tiếng Việt	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Maxism- Leninism	LLNL1106	2	2	Tiếng Việt	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Socialism Science	LLNL1107	2	3	Tiếng Việt	
4	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	4	Tiếng Việt	
5	5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of the Communist Party of Vietnam	LLDL1102	2	5	Tiếng Việt	
6	6	Tiếng Anh kinh doanh English for Business Communication	NNKC	10	1,2	Tiếng Anh	
		Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	4		Tiếng Việt	

		Giáo dục quốc phòng và an ninh Military Education	GDQP	8		Tiếng Việt	
1.2. Các học phần của trường				12			
7	1	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	EP10.TOCB1110	3	1	Tiếng Anh	
8	3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	EP10.TOKT1145	3	2	Tiếng Anh	
9	4	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	EP10.LUCS1129	3	1	Tiếng Anh	
10	5	Tin học đại cương Basic Informatics	EP10.TIKT1109	3	1	Tiếng Anh	
1.3. Các học phần của ngành				12			
11	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	EP10.KHMI1101	3	3	Tiếng Anh	
12	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	EP10.KHMA1101	3	2	Tiếng Anh	
13	3	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	EP10.QLKT1101	3	2	Tiếng Anh	
14	4	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	EP10.QTTH1102	3	3	Tiếng Anh	
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				86			
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				36			
2.1.1. Các học phần của trường				9			
15	1	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	EP10.TOKT1101	3	3	Tiếng Anh	
16	2	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 Monetary and Financial Theories 1	EP10.NHLT1101	3	3	Tiếng Anh	
17	3	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	EP10.KTKE1101	3	3	Tiếng Anh	
2.1.2. Các học phần của ngành				27			
18	1	Ngân hàng thương mại 1 Commercial Bank 1	EP10.NHTM1102	3	4	Tiếng Anh	
19	2	Tài chính doanh nghiệp 1 Corporate Finance 1	EP10.NHTC1104	3	4	Tiếng Anh	
20	3	Tài chính quốc tế 1 International Finance 1	EP10.NHQT1102	3	4	Tiếng Anh	
21	4	Tài chính công 1 Public Finance 1	EP10.NHCO1102	3	4	Tiếng Anh	
22	5	Thị trường chứng khoán 1 Stock Market 1	EP10.NHCK1102	3	4	Tiếng Anh	
23	6	Thị trường chứng khoán 2 Stock Market 2	EP10.NHCK1110	3	5	Tiếng Anh	

24	7	Lý thuyết tài chính tiền tệ 2 Monetary and Financial Theories 2	EP10.NHLT1103	3	5	Tiếng Anh	
25	8	Phân tích tài chính Financial Analysis	EP10.NHTC1108	3	6	Tiếng Anh	
26	9	Quản trị rủi ro tài chính Financial Risk Management	EP10.NHTM1126	3	7	Tiếng Anh	
2.2. Kiến thức ngành				38			
2.2.1. Các học phần bắt buộc				30			
27	1	Đầu tư tài chính Financial Investment	EP10.NHCK1126	3	5	Tiếng Anh	
28	2	Chứng khoán nợ Debt Securities	EP10.NHCK1119	3	6	Tiếng Anh	
29	3	Tài chính quốc tế 2 International Finance 2	EP10.NHQT1111	3	5	Tiếng Anh	
30	4	Tài chính doanh nghiệp 2 Corporate Finance 2	EP10.NHTC1110	3	5	Tiếng Anh	
31	5	Công cụ phái sinh Derivatives	EP10.NHCK1122	3	6	Tiếng Anh	
32	6	Thuế Taxation	EP10.NHCO1111	3	7	Tiếng Anh	
33	7	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư chứng khoán Technical Analysis	EP10.NHCK1124	3	6	Tiếng Anh	
34	8	Quản trị danh mục đầu tư Portfolio Management	EP10.NHCK1125	3	7	Tiếng Anh	
35	9	Phân tích và đầu tư chứng khoán Investment Analysis	EP10.NHCK1106	3	6	Tiếng Anh	
36	10	Các khoản đầu tư thay thế Alternative Investments	EP10.NHCK1115	3	7	Tiếng Anh	
2.2.2. Các học phần lựa chọn (SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)				8			
37	1	Mô hình toán kinh tế Mathematical Economic Models	EP10.TOKT1107	2	5	Tiếng Anh	
		Thống kê kinh doanh Business Statistics	EP10.TKKD1105	2		Tiếng Anh	
		Tin học ứng dụng Applied Informatics	EP10.TIHT1107	2		Tiếng Anh	
38	2	Marketing căn bản Principles of Marketing	EP10.MKMA1103	2	4	Tiếng Anh	
		Kinh tế đầu tư Investment Economics	EP10.DTKT1101	2		Tiếng Anh	
		Định giá bất động sản Real Estate Valuation	EP10.TNBD1103	2		Tiếng Anh	
		Đầu tư quốc tế International Investment	EP10.NHQT1107	2		Tiếng Anh	

39	3	Ngân hàng thương mại 2 Commercial Bank 2	EP10.NHTM1110	2	6	Tiếng Anh	
		Quản trị dòng tiền Cash flow Management	EP10.NHTC1121	2		Tiếng Anh	
40	4	Thuế quốc tế International Tax	EP10.NHCO1112	2	7	Tiếng Anh	
		Thâm định tài chính dự án Capital Budgetting	EP10.NHTC1113	2		Tiếng Anh	
		Tài chính cá nhân Personal Finance	EP10.NHTM1127	2		Tiếng Anh	
		2.3. Kiến thức chuyên sâu		2			
41		Đề án nghiên cứu Course Project	EP10.NHCK1123	2	7	Tiếng Anh	
42	2.4. Chuyên đề thực tập (Intenrship Program)		EP10.NHCK1121	10	8	Tiếng Anh	
		<i>Kiểm tra trình độ ngoại ngữ và tin học theo chuẩn đầu ra</i>					

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- CTĐT cử nhân Đầu tư tài chính được thực hiện trong 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và học theo niên chế. Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định các môn học theo kế hoạch giảng dạy của trường.
- Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần.
- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGÂN HÀNG TÀI CHÍNH**

(đã ký)

TS. Đặng Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS.TS. Phạm Hồng Chương